

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NGÂN LƯỢNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NGÂN LƯỢNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108914545

3. Ngày thành lập: 24/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Điền Quy, Xã Tân Dân, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0943255789

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây ăn quả	0121
2.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
3.	Trồng cây lâu năm khác	0129
4.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
5.	Khai thác và thu gom than non	0520
6.	Khai thác dầu thô	0610
7.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
8.	Khai thác quặng sắt	0710
9.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
10.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
11.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
12.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
14.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
15.	Khai thác muối	0893
16.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
17.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
21.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
23.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

24.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
25.	Thu gom rác thải độc hại	3812
26.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
27.	Tái chế phế liệu	3830
28.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
29.	Xây dựng nhà để ở	4101
30.	Xây dựng nhà không để ở	4102
31.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
32.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
33.	Xây dựng công trình điện	4221
34.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
35.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
36.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
37.	Xây dựng công trình thủy	4291
38.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
39.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299(Chính)
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
48.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
49.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
50.	Bán buôn thực phẩm	4632
51.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết : Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
52.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
53.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
56.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)	4662
57.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
59.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
60.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
61.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
62.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
65.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
66.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
67.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
68.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
69.	Cơ sở lưu trú khác	5590
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
71.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
72.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
73.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
74.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
75.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
76.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
78.	Chăn nuôi gia cầm	0146
79.	Chăn nuôi khác	0149
80.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
81.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	KIM VĂN LƯỢNG	thôn Đại Nội , Xã Bình Định, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	66,660	026081005017	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	66,660		
2	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Thôn Môn Tự, Xã Tân Dân, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	16,670	001078001974	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	16,670		

3	NGUYỄN VĂN NGÂN	Thôn Cầu Cháy, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	16,670	070945892	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	16,670		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: KIM VĂN LƯỢNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/12/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 026081005017

Ngày cấp: 07/03/2019

Nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đại Nội, Xã Bình Định, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Diên Quy, Xã Tân Dân, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội